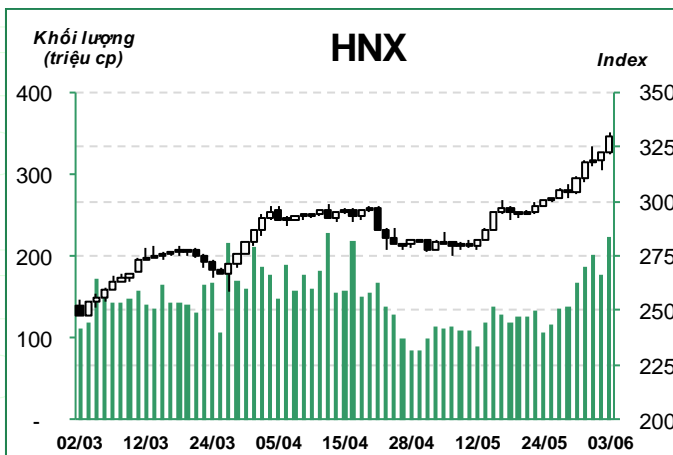
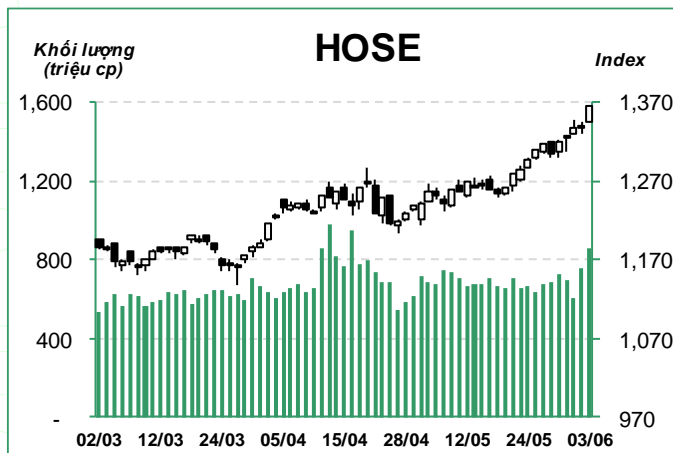


Tổng quan thị trường

03/06/2021	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá trị đóng cửa	1,364.28	1.75%	1,504.37	1.73%	329.95	2.45%
Cuối tuần trước	1,320.46	3.32%	1,458.78	3.13%	310.46	6.28%
Trung bình 20 ngày	1,297.16	5.17%	1,422.55	5.75%	303.17	8.83%
Tổng KLGD (triệu cp)	898.88	11.63%	328.47	15.84%	229.00	25.59%
KLGD khớp lệnh	856.88	13.40%	318.35	14.85%	222.91	25.59%
Trung bình 20 ngày	688.76	24.41%	267.71	18.91%	143.11	55.76%
Tổng GTGD (tỷ đồng)	29,308.78	12.11%	16,775.81	15.53%	5,424.10	22.84%
GTGD khớp lệnh	27,740.09	14.82%	16,180.45	15.33%	5,317.87	23.30%
Trung bình 20 ngày	21,558.37	28.67%	12,959.63	24.85%	3,222.41	65.03%
		Tỷ trọng		Tỷ trọng		Tỷ trọng
Số mã tăng	339	74%	28	93%	154	42%
Số mã giảm	75	16%	2	7%	71	19%
Số mã đứng giá	47	10%	0	0%	142	39%



Thị trường tạo gap tăng mạnh ngay từ đầu phiên và tiếp tục nở rộng cho đến hết phiên khi dòng tiền lan tỏa kéo theo nhiều cổ phiếu bứt phá mạnh mẽ. Không chỉ các cổ phiếu vốn hóa lớn mà nhiều cổ phiếu midcap và penny cũng giao dịch hưng phấn giúp thanh khoản thị trường bùng nổ. Tuy nhiên, trái với động thái rót tiền vào thị trường của nhà đầu tư nội, khối ngoại vẫn miệt mài bán ròng trên cả 2 sàn trong phiên hôm nay với tổng giá trị 1,045 tỷ đồng.

Trên sàn HoSE, VN-Index đóng cửa tăng lên mức 1,364.28 điểm (+1.75%). Thanh khoản thiết lập kỷ lục mới với KLGD khớp lệnh đạt 856.9 triệu cổ phiếu (+13.4%), tương đương 27,740 tỷ đồng giá trị (+14.8%). Độ rộng thị trường lan tỏa mạnh mẽ hơn trong phiên hôm nay khi toàn sàn ghi nhận 339 mã tăng/75 mã giảm.

Dòng tiền quay trở lại với nhóm cổ phiếu Bluechips khi nhóm VN30 ghi nhận số mã tăng áp đảo. Nổi bật nhất là nhóm ngân hàng khi MBBank-MBB (+6.9%) tăng trần cùng nhiều mã khác cũng tăng mạnh như Techcombank-TCB (+3.8%), Vietinbank-CTG (+3.1%) hay BIDV-BID (+3.0%). Trong khi đó, nhóm cổ phiếu midcap và penny cũng hưởng ứng với khá nhiều mã tăng trần cùng nhiều nhóm ngành cũng ghi nhận sắc xanh áp đảo như thủy sản, điện, xây dựng, đường hay phân bón. Ở chiều ngược lại, áp lực điều chỉnh được ghi nhận ở một số mã như Masan-MSN (-0.7%), FPT-FPT (-0.4%), Vietnam Airline-HVN (-1.5%), An Phát Holdings-APH (-1.9%).

Khối ngoại tiếp tục có động thái xả mạnh cổ phiếu trên sàn HoSE với giá trị bán ròng đạt 1,045.1 tỷ đồng (-13.9%). Với những cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất là Hòa Phát-HPG (-717.4 tỷ), MBBank-MBB (-181.0 tỷ), Vingroup-VIC (-142.8 tỷ). Trong khi đó, NH Phương Đông-OCB (+57.4 tỷ), Chứng

Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
HOSE		
VIB	3,000.0	210.00
TCB	2,348.0	129.15
FPT	1,305.0	119.27
HNG	10,000.0	105.00
HPX	1,909.5	69.72
EIB	2,310.0	67.34
MBB	1,581.2	59.82
HDB	1,650.0	52.77
GEX	2,250.0	49.88
HPG	859.4	46.52
HNX		
CEO	4,060.0	44.66
IDC	998.0	38.92
CLH	565.2	10.74
VC3	157.0	3.16
BAB	100.0	2.71
DDG	70.0	2.67
SPI	100.0	2.10
PVI	20.0	0.70
GMX	20.8	0.56

khoán SSI-SSI (+56.6 tỷ) và Tập đoàn FLC-FLC (+42.4 tỷ) dẫn đầu trong số những cổ phiếu được mua.

Trên sàn HNX, chỉ số HNX-Index cũng đóng cửa tăng cao lên mức 329.95 điểm (+2.45%). Thanh khoản có lần đầu tiên vượt ngưỡng 5,000 tỷ. KLGD khớp lệnh đạt 222.9 triệu cổ phiếu (+25.6%), tương đương 5,317.9 tỷ đồng giá trị (+23.3%).

Tương tự như HoSE, sàn HNX cũng ghi nhận sắc xanh ần tượng ở hầu hết các cổ phiếu lớn. Trong đó, hai nhóm ngành có mức tăng nhiều nhất là ngân hàng với Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (+4.2%), Ngân hàng Bắc Á-BAB (+3.7%), Ngân hàng Quốc Dân-NVB (+2.9%) và nhóm chứng khoán với Chứng khoán VNDIRECT-VND (+9.9%), Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội -SHS (+5.1%) hay Chứng khoán MB-MBS (+7.5%). Ở chiều ngược lại, các cổ phiếu trong dầu khí như Dầu khí PTSC-PVS (-1.5%), Hóa dầu Petrolimex-PLC (-0.7%), Khí Miền Bắc-PVG (-1.1%) sau những phiên bật tăng trước đó đã bắt đầu hạ nhiệt gây áp lực cho chỉ số.

Khối ngoại thu hẹp đà bán ròng trên sàn HNX xuống còn 17.6 tỷ đồng (-67.4%). Trong đó, Dầu khí PTSC-PVS (-33.2 tỷ), Chứng khoán VNDIRECT-VND (-10.1 tỷ), Vicostone-VCS (-4.9 tỷ) là những cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất. Trái lại, một số cổ phiếu được mua mạnh như Thaiholdings-THD (+24.1 tỷ), Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (+12.6 tỷ), Bảo hiểm PVI-PVI (+2.7 tỷ).

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên tăng điểm thứ năm liên tiếp. Khối lượng giao dịch gia tăng và duy trì trên mức bình quân 10 và 20 phiên hàm ý dòng tiền tham gia thị trường tích cực. Không những vậy, chỉ số đang trong xu hướng tăng, khi chỉ số duy trì đóng cửa trên MA5, cùng với chòm MA 5, 10, 20 ở trạng thái phân kỳ dương tích cực. Thêm vào đó, bộ chỉ báo của chúng tôi cho tín hiệu củng cố xu hướng tăng điểm hiện tại, với MACD nằm trên Signal duy trì tín hiệu mua và RSI hướng lên vùng 76 cho thấy đà tăng đang khá mạnh, chỉ số có thể tiếp tục tiến lên thử thách ngưỡng kháng cự tâm lý 1,400 điểm. Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự. Chỉ số có phiên tăng điểm và duy trì đóng cửa trên MA20, cho thấy xu hướng tăng đang tiếp diễn. Chỉ số có thể hướng lên vùng kháng cự quanh 330 điểm (Fib 38.2) hoặc xa hơn là vùng 364 điểm (Fib 61.8, đây là mức Fib đo được từ việc chia sóng 5 của chỉ số, tính từ tháng 7/2020 là đầu sóng 1). Nhìn chung, thị trường đang trong xu hướng tăng mạnh mẽ. Do đó, chúng tôi duy trì khuyến nghị, nhà đầu tư tận dụng các nhịp rung lắc để gia tăng thêm một phần nhỏ tỷ trọng vào các cổ phiếu có cơ bản tốt và được dòng tiền mạnh hướng tới.

Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

HOSE

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
APG	10.7	6,029.5	7.0%
RDP	9.6	67.4	7.0%
AGM	29.9	40.9	7.0%
DAH	9.7	641.3	7.0%
SMA	9.0	21.8	7.0%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
HOT	26.9	0.1	-6.9%
FUCTVGF2	12.2	4.9	-6.9%
SPM	12.4	9.2	-6.8%
SC5	20.6	1.2	-6.6%
LGC	54.3	3.2	-5.9%

Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VPB	70.6	4,115.0	0.6%
HPG	54.3	2,034.6	0.6%
TCB	54.8	1,410.7	3.8%
MBB	41.2	1,241.2	6.9%
STB	32.8	1,024.3	1.7%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
VPB	70.6	59,339.9	0.6%
HPG	54.3	37,829.3	0.6%
FLC	14.0	35,217.8	6.9%
STB	32.8	31,250.7	1.7%
MBB	41.2	30,668.2	6.9%

HNX

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
EVS	25.3	708.4	10.0%
BKC	5.5	1.4	10.0%
CAG	15.5	13.5	9.9%
TVB	15.5	2,384.6	9.9%
VND	61.2	7,969.0	9.9%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
SGC	66.6	60.0	-10.0%
L43	4.5	5.6	-10.0%
KST	21.6	4.6	-10.0%
VGP	34.2	1.3	-10.0%
QHD	38.7	1.2	-9.8%

Top 5 giá trị

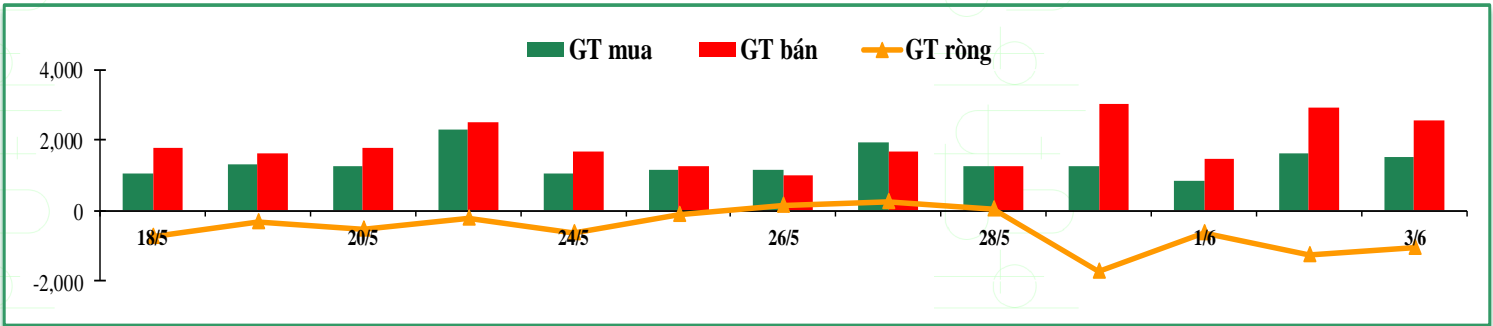
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHB	32.4	1,645.6	4.2%
PVS	27.0	602.7	-1.5%
VND	61.2	480.5	9.9%
SHS	41.3	411.6	5.1%
THD	200.7	267.3	0.4%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
SHB	32.4	51,622.9	4.2%
PVS	27.0	21,996.8	-1.5%
ART	12.7	17,041.8	8.5%
KLF	5.6	10,997.5	3.7%
NVB	21.4	10,841.7	2.9%

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	1,454.2	5.0%	2,499.3	8.5%	-1,045.1
HNX	63.7	1.2%	81.3	1.5%	-17.6
Tổng số	1,517.9		2,580.5		-1,062.7



HOSE

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
FPT	85.2	110.6	-0.4%
NVL	141.0	100.0	1.1%
VHM	105.4	96.2	1.0%
TCB	54.8	92.5	3.8%
HPG	54.3	82.0	0.6%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	54.3	799.4	0.6%
MBB	41.2	192.1	6.9%
VIC	118.5	171.0	0.9%
FPT	85.2	110.6	-0.4%
VHM	105.4	105.5	1.0%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
OCB	30.8	57.4	6.9%
SSI	48.9	56.6	6.3%
FLC	14.0	42.4	6.9%
NVL	141.0	37.4	1.1%
PLX	55.4	28.1	0.4%

HNX

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
THD	200.7	24.2	0.4%
SHB	32.4	12.9	4.2%
VND	61.2	11.5	9.9%
PVI	35.5	2.9	2.3%
SHS	41.3	2.7	5.1%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PVS	27.0	33.9	-1.5%
VND	61.2	21.6	9.9%
PAN	27.2	6.5	-0.4%
VCS	102.9	5.1	7.2%
APS	15.9	4.3	9.7%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
THD	200.7	24.1	0.4%
SHB	32.4	12.6	4.2%
PVI	35.5	2.7	2.3%
SHS	41.3	2.3	5.1%
ASG	39.1	1.1	2.9%

Tin trong nước

6,2 tỷ USD vốn FDI đầu tư vào khu công nghiệp, khu kinh tế trong 5 tháng

Thông tin từ Bộ Kế hoạch & Đầu tư, 5 tháng đầu năm, khu công nghiệp, khu kinh tế thu hút được 291 dự án đầu tư nước ngoài với số vốn đăng ký mới và tăng thêm đạt khoảng 6,02 tỷ USD, tăng hơn 10% so với cùng kỳ năm ngoái. Đồng thời, số dự án đăng ký cấp mới và điều chỉnh từ nguồn vốn trong nước là 271 dự án trị giá 53.200 tỷ đồng.

Số khu công nghiệp được phê duyệt thành lập mới là 25, nhiều hơn 19 khu công nghiệp so với cùng kỳ năm ngoái.

Chuyên gia cho rằng nhu cầu phát triển khu kinh tế, khu công nghiệp tại Việt Nam tăng mạnh là xu hướng tốt mà những nước phát triển đều phải trải qua.

Tỷ lệ lấp đầy tại khu công nghiệp đang hoạt động gần 72%.

Bộ trưởng Bộ Tài chính: Cần dùng biện pháp mạnh chống nghẽn lệnh

Theo đó, giai đoạn 2016-2021, TTCK liên tục tăng trưởng và tăng trưởng nhanh, trở thành kênh huy động vốn trong trung và dài hạn quan trọng cho nền kinh tế. Quy mô thị trường đến năm 2020 đạt 5,3 triệu tỷ đồng, gấp 3,5 lần so với năm 2016 và tương đương 84% GDP. Đến nay, mức vốn hóa trên thị trường đã đạt gần 6,4 triệu tỷ đồng, tương đương 101% GDP, tăng gần 21%.

Cục trưởng Cục Tài chính doanh nghiệp cho rằng thời gian tới, thị trường trái phiếu doanh nghiệp cần đẩy mạnh hơn, đặc biệt các doanh nghiệp có quy mô lớn đang đầu tư vào sản xuất kinh doanh

Tuy nhiên, theo Bộ trưởng, hiện tượng nghẽn lệnh vừa qua phải được đặc biệt quan tâm, phải khắc phục, làm hết sức quyết liệt và dùng biện pháp mạnh vì ách tắc là thiệt hại.

Nguồn: NDH

Tin doanh nghiệp niêm yết

MB được chấp thuận tăng gần 9.800 tỷ đồng vốn điều lệ

Ngân hàng Nhà nước (NHNN) chấp thuận MB (HoSE: MBB) tăng vốn điều lệ thêm tối đa hơn 9.795,6 tỷ đồng từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế theo phương án được đại hội cổ đông thông qua.

Trong quý I, MB lãi trước thuế gấp đôi cùng kỳ, đạt gần 4.580 tỷ đồng. Tổng tài sản đến cuối tháng 3 ở mức 510.957 tỷ đồng, tăng 3% so với cuối năm trước. Cho vay khách hàng tăng 8,6% lên 324.007 tỷ đồng. Nợ xấu hơn 4.183 tỷ đồng, cao hơn 28% so với cuối năm trước, riêng nợ nhóm 3 nhân đôi lên 1.857 tỷ đồng. Tỷ lệ nợ xấu tăng từ 1,08% lên 1,3%.

Lixco chốt quyền chia cổ tức đợt cuối năm 2020 tỷ lệ 10%

Công ty Bột giặt LIX (Lixco, HoSE: LIX) thông báo ngày 17/6 chốt quyền chia cổ tức đợt cuối năm 2020 bằng tiền tỷ lệ 10%. Ngày thanh toán là 30/6 với số tiền dự chi 32,4 tỷ đồng.

Năm 2020, bất chấp diễn biến dịch bệnh, Lixco ghi nhận lợi nhuận đạt 230 tỷ đồng, tăng 28% nhờ nghiên cứu thành công dòng sản phẩm On1, đặc biệt là sản phẩm gel rửa tay khô On1. Theo đó, doanh nghiệp chốt phương án chia cổ tức năm 2020 tỷ lệ 40% bằng tiền, tương đương với mức thanh toán 129,6 tỷ đồng, đã tạm ứng 30% vào cuối năm 2020.

Năm 2021, Lixco đặt kế hoạch doanh thu giảm 8,6% về 2.652 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế giảm 23% xuống 225 tỷ đồng. Quý I, Lixco báo cáo doanh thu giảm 20,5% xuống 699 tỷ đồng, lãi sau thuế giảm 31% xuống 44 tỷ đồng.

Tại thời điểm cuối quý I, doanh nghiệp có 185 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và 172,6 tỷ đồng quỹ đầu tư phát triển, trong khi vốn điều lệ 324 tỷ đồng.

Nguồn: NDH

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	BVH	Mua	04/06/21	54.9	54.9	0.0%	63	14.8%	53	-3.5%	Cổ phiếu có cơ hội quay lại xu hướng phục hồi

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	VHM	Quan sát mua	04/06/21	105.4	120	Tín hiệu rũ bỏ trong vùng tích lũy 103-107 với nền giảm dài vol tăng nhưng sau đó đã nhanh chóng hồi phục trở lại -> khả năng sớm có phiên break vùng tích lũy để bắt đầu nhịp tăng
2	DPG	Quan sát mua	04/06/21	39.6	46.5-47.5	Nhịp điều chỉnh về lại vùng hỗ trợ quanh 38 ko quá xấu với vol thấp + nền rút đầu cho khả năng chưa kết thúc nhịp chỉnh -> có thể canh mua khi giá tiếp tục điều chỉnh về lại quanh 38
3	HBC	Quan sát mua	04/06/21	15.1	17.3 19.5	Khả năng đã tạo đáy quanh 14 với tín hiệu RSI phân kỳ dương -> cơ hội có nhịp hồi phục ngắn hạn
4	VTD	Quan sát mua	04/06/21	13.6	15.5-16.5	Nhịp điều chỉnh về MA200 yếu dần với nền, vol nhỏ dần + có phiên tăng tốt kèm vol tăng trở lại -> khả năng đang tạo đáy quanh vùng giá hiện tại

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	FPT	Nắm giữ	20/04/21	85.2	70	21.7%	93.5	33.6%	67.65	-3%	
2	VSC	Mua	28/04/21	53	49.9	6.2%	55	10.2%	47	-6%	
3	STB	Nắm giữ	05/05/21	32.75	24.1	35.9%	34.3	42%	22.9	-5%	
4	SSI	Nắm giữ	13/05/21	48.9	34.8	40.5%	52.2	50%	33.5	-4%	
5	PVS	Nắm giữ	19/05/21	27	21.8	23.9%	31.3	44%	20.5	-6%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

6	VHM	Mua	20/05/21	105.4	100.4	5.0%	110	10%	96.5	-4%	
7	HDG	Mua	24/05/21	46.4	41.95	10.6%	47.6	13%	40.3	-4%	
8	BVS	Nắm giữ	25/05/21	31.9	22.8	39.9%	34.4	51%	21.3	-7%	
9	DRC	Mua	03/06/21	28.65	27.55	4.0%	33.6	22%	26.2	-5%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền	Thống kê giao dịch chứng quyền ngày 03/06/2021									Thông tin chứng quyền				
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND)	Chênh lệch so với giá đóng cửa	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CFPT2016	2,580	9,790	-0.4%	279%	26,140	19	85,200	8,199	(1,591)	SSI	FPT	50,000	4.3	22/06/2021
CFPT2101	1,500	5,170	-0.6%	245%	12,420	32	85,200	2,085	(3,085)	MBS	FPT	74,500	5.2	05/07/2021
CHDB2101	1,000	3,980	4.7%	298%	4,590	111	35,800	1,232	(2,748)	KIS	HDB	29,888	5.0	22/09/2021
CHPG2020	5,700	48,000	2.3%	742%	530	27	54,300	40,488	(7,512)	VND	HPG	26,000	0.7	30/06/2021
CHPG2101	1,050	9,600	-2.9%	814%	9,770	111	54,300	2,715	(6,885)	KIS	HPG	46,888	2.9	22/09/2021
CHPG2102	6,600	33,390	4.3%	406%	17,930	32	54,300	19,110	(14,280)	ACBS	HPG	41,000	0.7	05/07/2021
CHPG2103	3,900	16,100	1.6%	313%	45,240	33	54,300	8,254	(7,846)	VND	HPG	42,000	1.5	06/07/2021
CHPG2104	1,500	10,000	0.0%	567%	12,810	32	54,300	4,356	(5,644)	MBS	HPG	44,800	2.2	05/07/2021
CHPG2105	3,000	16,940	2.9%	465%	36,850	67	54,300	8,310	(8,630)	HCM	HPG	42,000	1.5	09/08/2021
CHPG2106	4,100	14,300	0.0%	249%	19,460	85	54,300	3,104	(11,196)	MBS	HPG	50,200	1.5	27/08/2021
CHPG2107	1,300	6,830	-0.3%	425%	30,400	70	54,300	44	(6,786)	KIS	HPG	59,368	3.7	12/08/2021
CHPG2108	1,200	6,670	-0.6%	456%	42,670	70	54,300	42	(6,628)	KIS	HPG	59,456	3.7	12/08/2021
CKDH2002	1,600	4,000	1.3%	150%	15,720	74	39,800	3,146	(854)	KIS	KDH	27,333	4.0	16/08/2021
CKDH2101	1,000	3,000	0.0%	200%	6,080	111	39,800	1,343	(1,657)	KIS	KDH	33,333	5.0	22/09/2021
CKDH2102	2,800	6,200	0.8%	121%	8,410	71	39,800	4,415	(1,785)	MBS	KDH	31,100	2.0	13/08/2021
CMBB2010	4,600	25,090	11.8%	445%	10,360	11	41,150	25,160	70	SSI	MBB	16,000	1.0	14/06/2021
CMBB2101	1,600	8,140	17.6%	409%	62,570	33	41,150	7,600	(540)	VND	MBB	26,000	2.0	06/07/2021
CMBB2102	1,200	3,720	7.5%	210%	15,740	70	41,150	682	(3,038)	KIS	MBB	34,468	10.0	12/08/2021
CMSN2101	1,050	2,990	-2.0%	185%	9,200	111	105,000	395	(2,595)	KIS	MSN	99,999	20.0	22/09/2021
CMSN2102	1,000	2,590	-7.2%	159%	20,950	111	105,000	128	(2,462)	KIS	MSN	111,111	20.0	22/09/2021
CMSN2103	3,000	6,140	-0.2%	105%	8,700	71	105,000	2,896	(3,244)	MBS	MSN	88,000	6.0	13/08/2021
CMWG2013	12,000	25,000	0.8%	108%	230	27	139,000	21,576	(3,424)	VND	MWG	96,000	2.0	30/06/2021
CMWG2016	1,700	3,100	3.3%	82%	58,550	7	139,000	3,104	4	HCM	MWG	108,000	10.0	10/06/2021
CMWG2101	2,400	3,100	3.3%	29%	4,680	33	139,000	2,223	(877)	VND	MWG	117,000	10.0	06/07/2021
CMWG2102	3,000	6,450	0.8%	115%	7,590	60	139,000	3,885	(2,565)	VCI	MWG	120,000	5.0	02/08/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CMWG2103	1,900	2,200	0.5%	16%	10,570	32	139,000	1,074	(1,126)	MBS	MWG	128,500	10.0	05/07/2021
CMWG2104	2,400	9,300	-0.5%	288%	2,980	(73)	139,000	(187)	(9,487)	ACBS	MWG	135,000	10.0	22/03/2021
CMWG2105	2,950	4,600	1.1%	56%	8,870	85	139,000	1,151	(3,449)	MBS	MWG	131,500	8.0	27/08/2021
CNVL2003	1,000	7,900	2.6%	690%	85,820	8	141,000	7,783	(117)	KIS	NVL	63,979	9.9	11/06/2021
CNVL2101	1,000	5,200	4.0%	420%	11,640	111	141,000	4,020	(1,180)	KIS	NVL	77,999	15.8	22/09/2021
CNVL2102	1,100	3,560	0.0%	224%	13,720	116	141,000	884	(2,676)	KIS	NVL	128,399	16.0	27/09/2021
CPDR2101	1,100	3,760	2.2%	242%	11,280	85	78,300	52	(3,708)	KIS	PDR	88,888	5.0	27/08/2021
CPDR2102	1,100	4,250	7.9%	286%	5,900	116	78,300	157	(4,093)	KIS	PDR	88,999	5.0	27/09/2021
CPNJ2101	1,700	2,890	-0.3%	70%	7,300	33	101,200	2,359	(531)	VND	PNJ	78,000	9.9	06/07/2021
CPNJ2102	2,000	5,600	0.9%	180%	5,500	60	101,200	4,296	(1,304)	VCI	PNJ	80,000	5.0	02/08/2021
CPNJ2103	2,900	4,890	6.3%	69%	7,440	15	101,200	4,494	(396)	MBS	PNJ	78,800	5.0	18/06/2021
CREE2101	2,300	2,880	5.9%	25%	27,020	33	57,800	2,473	(407)	VND	REE	48,000	4.0	06/07/2021
CSBT2101	1,100	2,720	11.0%	147%	11,260	111	21,200	34	(2,686)	KIS	SBT	24,666	5.0	22/09/2021
CSTB2010	1,100	10,400	4.0%	845%	20,810	8	32,750	10,378	(22)	KIS	STB	11,999	2.0	11/06/2021
CSTB2014	3,800	21,000	6.6%	453%	11,260	11	32,750	20,758	(242)	SSI	STB	12,000	1.0	14/06/2021
CSTB2101	1,000	7,210	1.6%	621%	7,230	111	32,750	5,447	(1,763)	KIS	STB	21,999	2.0	22/09/2021
CSTB2103	1,400	8,320	1.7%	494%	25,630	67	32,750	7,410	(910)	HCM	STB	18,000	2.0	09/08/2021
CSTB2104	4,000	12,300	0.0%	208%	9,110	85	32,750	9,964	(2,336)	MBS	STB	22,900	1.0	27/08/2021
CTCB2012	5,400	32,900	6.8%	509%	8,390	57	54,800	32,874	(26)	SSI	TCB	22,000	1.0	30/07/2021
CTCB2101	5,000	25,400	6.3%	408%	14,640	124	54,800	24,025	(1,375)	ACBS	TCB	31,000	1.0	05/10/2021
CTCB2102	2,300	9,400	9.2%	309%	38,770	33	54,800	9,435	35	VND	TCB	36,000	2.0	06/07/2021
CTCB2103	2,900	10,290	4.5%	255%	32,570	67	54,800	9,720	(570)	HCM	TCB	35,500	2.0	09/08/2021
CTCB2104	2,000	7,770	0.9%	289%	7,650	85	54,800	4,623	(3,147)	MBS	TCB	45,800	2.0	27/08/2021
CTCH2003	1,600	2,310	5.0%	44%	19,870	74	22,350	65	(2,245)	KIS	TCH	23,999	3.9	16/08/2021
CTCH2101	1,000	2,900	7.4%	190%	920	111	22,350	112	(2,788)	KIS	TCH	24,666	3.9	22/09/2021
CTCH2102	2,750	3,140	1.3%	14%	9,630	71	22,350	45	(3,095)	MBS	TCH	25,000	2.0	13/08/2021
CTCH2103	1,200	1,950	6.0%	63%	14,310	70	22,350	0	(1,950)	KIS	TCH	31,668	4.0	12/08/2021
CVHM2008	1,400	1,630	5.2%	16%	40,170	8	105,400	1,655	25	KIS	VHM	88,888	10.0	11/06/2021
CVHM2101	1,100	3,580	0.9%	225%	3,280	111	105,400	233	(3,347)	KIS	VHM	106,888	16.0	22/09/2021
CVHM2102	1,900	2,900	4.3%	53%	16,230	33	105,400	1,857	(1,043)	VND	VHM	87,000	10.0	06/07/2021
CVHM2104	1,600	3,370	5.3%	111%	22,440	67	105,400	805	(2,565)	HCM	VHM	98,000	10.0	09/08/2021
CVHM2105	1,500	3,880	2.7%	159%	3,510	71	105,400	381	(3,499)	MBS	VHM	105,000	8.0	13/08/2021
CVHM2106	1,300	3,630	-0.3%	179%	8,440	70	105,400	8	(3,622)	KIS	VHM	118,668	10.0	12/08/2021
CVIC2005	1,500	1,450	-8.8%	-3%	8,610	8	118,500	1,168	(282)	KIS	VIC	106,868	10.0	11/06/2021
CVIC2101	1,000	2,900	0.0%	190%	12,270	111	118,500	88	(2,812)	KIS	VIC	126,888	20.0	22/09/2021
CVIC2103	1,100	2,180	-3.1%	98%	10,590	116	118,500	0	(2,180)	KIS	VIC	165,899	20.0	27/09/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CVJC2006	1,000	110	-8.3%	-89%	44,140	8	106,900	0	(110)	KIS	VJC	111,111	20.0	11/06/2021
CVNM2011	1,100	80	0.0%	-93%	42,560	8	90,200	0	(80)	KIS	VNM	133,333	16.3	11/06/2021
CVNM2101	1,100	2,190	0.0%	99%	3,700	111	90,200	0	(2,190)	KIS	VNM	126,888	19.8	22/09/2021
CVNM2102	1,700	1,060	51.4%	-38%	16,920	33	90,200	0	(1,060)	VND	VNM	108,994	9.9	06/07/2021
CVNM2103	1,700	360	111.8%	-79%	16,830	15	90,200	(0)	(360)	MBS	VNM	104,000	10.0	18/06/2021
CVNM2104	1,480	2,800	13.8%	89%	11,080	102	90,200	14	(2,786)	MBS	VNM	103,000	10.0	13/09/2021
CVNM2105	1,100	1,760	1.2%	60%	46,560	116	90,200	0	(1,760)	KIS	VNM	119,399	20.0	27/09/2021
CVPB2015	5,600	42,300	-1.2%	655%	6,490	57	70,600	44,687	2,387	SSI	VPB	26,000	1.0	30/07/2021
CVPB2101	2,900	16,210	0.1%	459%	3,380	33	70,600	16,836	626	VND	VPB	37,000	2.0	06/07/2021
CVPB2103	2,700	17,200	2.4%	537%	57,740	67	70,600	17,122	(78)	HCM	VPB	36,500	2.0	09/08/2021
CVPB2104	2,500	8,980	0.8%	259%	4,230	85	70,600	7,281	(1,699)	MBS	VPB	49,000	3.0	27/08/2021
CVRE2011	1,500	190	-5.0%	-87%	23,310	8	30,500	(0)	(190)	KIS	VRE	31,888	4.0	11/06/2021
CVRE2013	5,000	5,710	0.2%	14%	35,010	57	30,500	3,109	(2,601)	SSI	VRE	27,500	1.0	30/07/2021
CVRE2101	1,200	2,370	0.4%	98%	3,940	111	30,500	62	(2,308)	KIS	VRE	34,567	4.0	22/09/2021
CVRE2102	1,800	1,500	2.0%	-17%	25,390	33	30,500	182	(1,318)	VND	VRE	30,000	4.0	06/07/2021
CVRE2103	1,300	2,380	1.7%	83%	9,290	67	30,500	76	(2,304)	HCM	VRE	32,000	4.0	09/08/2021
CVRE2104	3,000	3,160	-1.3%	5%	5,470	71	30,500	24	(3,136)	MBS	VRE	34,300	2.0	13/08/2021

Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá hợp lý*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2021F (tỷ)	EPS 2021F	BV 2021F	ROE 2021F	ROA 2021F	PE 2021F	PB 2021F	Cổ tức dự kiến**
KDH (New)	HOSE	39,800	42,300	31/05/2021	1,147	2,157	17,973	14%	8%	19.6	2.4	-
NLG (New)	HOSE	41,000	43,800	31/05/2021	1,120	4,276	26,800	16%	9%	10.2	1.6	5%
VRE (New)	HOSE	30,500	42,500	31/05/2021	2,603	1,419	11,745	9%	6%	35.5	3.6	-
VHM (New)	HOSE	105,400	137,000	31/05/2021	34,194	10,223	42,470	36%	11%	13.4	4.2	-
PHR (New)	HOSE	53,600	67,600	28/05/2021	1,146	8,158	20,173	32%	16%	6.6	2.1	30%
GVR (New)	HOSE	28,500	40,200	28/05/2021	4,906	1,042	13,121	9%	6%	38.6	3.1	3%
SZC	HOSE	36,800	44,500	28/05/2021	202	2,025	13,476	15%	3%	22.0	3.3	0%
KBC	HOSE	33,600	47,200	28/05/2021	1,682	3,251	25,883	14%	6%	14.5	1.5	0%
REE	HOSE	57,800	62,100	28/05/2021	1,937	5,984	45,456	14%	9%	10.4	1.4	0%
GMD	HOSE	40,300	54,600	28/05/2021	541	1,794	22,180	9%	6%	12.8	1.0	0%
ANV	HOSE	25,000	26,000	27/05/2021	281	2,202	18,506	12%	6%	11.8	1.4	-
VHC	HOSE	40,350	48,900	27/05/2021	951	5,188	31,003	12%	17%	9.4	1.6	-

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

FMC		HOSE	33,100	43,900	27/05/2021	236	4,014	21,355	17%	12%	10.0	1.9	-
MPC		UPCOM	39,500	44,700	27/05/2021	762	3,811	27,801	14%	8%	11.7	1.6	-
IMP		HOSE	73,500	63,700	27/05/2021	241	3,611	27,902	13%	11%	17.7	2.3	-
DHG		HOSE	94,600	100,400	27/05/2021	742	5,676	28,774	20%	16%	18.1	3.6	30%
FRT		HOSE	25,700	37,700	26/05/2021	113	1,426	15,852	5%	1%	26.5	2.4	10%
DGW		HOSE	122,000	155,000	26/05/2021	448	10,410	36,323	29%	12%	14.9	4.3	20%
PNJ		HOSE	101,200	116,000	26/05/2021	1,538	6,762	27,589	25%	16%	17.2	4.2	20%
MWG		HOSE	139,000	168,000	26/05/2021	6,019	12,654	43,999	29%	11%	13.4	3.8	15%
SAB		HOSE	153,900	182,900	26/05/2021	4,985	7,369	36,116	21%	17%	26.6	5.1	35%
MSN		HOSE	105,000	104,500	26/05/2021	2,784	2,382	16,687	16%	3%	43.9	6.3	-
VNM		HOSE	90,200	128,000	26/05/2021	10,488	4,972	16,501	30%	20%	25.8	7.8	45%
TCM		HOSE	87,400	82,800	17/05/2021	287	4,630	28,532	16%	9%	17.9	2.9	-
STK		HOSE	35,500	41,000	17/05/2021	187	2,211	14,974	15%	10%	18.6	2.7	-
NVL		HOSE	141,000	104,600	13/05/2021	4,369	4,389	29,673	13%	3%	23.8	3.5	-
VGG		UPCOM	42,100	55,500	13/05/2021	187	4,249	41,384	10%	4%	13.1	1.3	20%
VCB		HOSE	106,700	118,300	10/05/2021	22,986	6,198	32,887	21%	2%	19.1	3.6	-
ACB		HOSE	45,900	39,800	10/05/2021	9,253	4,281	21,066	24%	2%	7.6	1.4	-
TCB		HOSE	54,800	51,300	10/05/2021	15,741	4,497	25,278	19%	3%	11.4	2.0	-
GEG		HOSE	16,700	21,200	07/05/2021	388	1,273	12,788	10%	4%	16.8	1.7	4%
BMP		HOSE	57,600	66,900	06/05/2021	551	6,735	32,184	21%	17%	9.9	2.1	43%
CTD		HOSE	62,900	69,200	29/04/2021	593	7,960	112,448	7%	4%	8.7	0.7	10%
HPG		HOSE	54,300	52,900	27/04/2021	16,753	5,038	22,193	23%	12%	10.5	2.4	5%
FPT		HOSE	85,200	91,800	14/04/2021	5,036	4,730	26,109	25%	11%	19.4	3.5	20%
VGS		HNX	19,500	24,600	13/04/2021	171	3,623	25,974	20%	5%	7.5	1.4	10%
SMC		HOSE	38,000	37,200	13/04/2021	313	4,961	17,978	20%	8%	6.8	1.4	10%
ACV		UPCOM	68,600	85,600	09/04/2021	3,027	1,390	17,759	8%	5%	60.6	4.7	6%
PLX		HOSE	55,400	64,800	31/03/2021	4,563	3,668	17,545	18%	7%	17.7	3.7	30%
SBT		HOSE	21,200	30,000	25/03/2021	744	1,165	13,578	9%	4%	25.8	2.2	5%
QNS		UPCOM	40,100	48,000	16/03/2021	1,043	1,491	20,653	14%	8%	32.2	2.3	-
GAS		HOSE	88,300	102,000	05/03/2021	10,892	5,691	27,913	20%	15%	18.0	3.7	35%
MSH		HOSE	55,400	56,300	03/03/2021	336	6,721	30,835	22%	12%	8.4	1.8	-
TNG		HOSE	22,200	23,800	19/02/2021	198	2,671	16,167	17%	5%	8.9	1.5	-
GIL		HOSE	58,800	54,800	05/02/2021	317	8,813	43,186	20%	10%	6.2	1.3	-

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

BSR		UPCOM	18,300	12,900	05/02/2021	1,337	431	10,444	4%	2%	29.9	1.2	0%
GTN		HOSE	19,000	36,290	29/01/2021	303	621	16,074	7%	8%	58.4	2.3	0%
LHG		HOSE	40,500	30,400	19/01/2021	180	3,601	26,394	11%	6%	8.1	1.0	-
CTR		UPCOM	87,600	78,800	19/01/2021	223	3,172	14,460	23%	6%	21.1	4.6	10%
POW		HOSE	12,700	14,700	19/01/2021	2,837	1,055	14,071	9%	5%	13.9	1.0	3%

* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

** Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2021 trên mệnh giá.

Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Overweight (OW) =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Neutral (N) =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

Underweight (UW) =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Not Rated (NR) = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855

Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Phường 6, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Phone: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.